



nián chū

年初

Noun · beginning of the year

Example Sentence

gōng sī tōng cháng zài nián chū zhì dìng xīn de fā zhǎn jì huà
公司通 常 在 年 初 制 定 新 的 发 展 计 划 。

The company usually formulates new
development plans at the beginning of the
year.

Trace each character, then write the word on your own.

年	年	年	年	年	年	年	年	年		
初	初	初	初	初	初	初	初	初	初	